

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VĨNH LONG
ĐỀ THI CHÍNH THỨC**
(Đề thi có 04 trang)

uigeli.xyz
KỶ THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2026
Môn thi: ĐỊA LÍ
Thời gian làm bài 50 phút, không kể thời gian phát đề

Họ và tên: Số báo danh: **Mã đề 0902**

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Vị trí địa lí của nước ta

- A. có ba mặt giáp với Biển Đông. B. phía bắc tiếp giáp Trung Quốc.
C. ở trung tâm bán đảo Trung Ấn. D. phía tây tiếp giáp với Thái Lan.

Câu 2. Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho sản lượng dầu thô xuất khẩu của nước ta gần đây giảm?

- A. Thăm dò vùng nước sâu hạn chế, chi phí khai thác cao, thị trường biến động.
B. Các mỏ dầu lớn suy giảm, nhu cầu nội địa tăng, ưu tiên chế biến trong nước.
C. Thực hiện tiết kiệm tài nguyên, bị Trung Đông cạnh tranh, thị trường thu hẹp.
D. Giá dầu thế giới giảm, nhu cầu nhập khẩu yếu, phát triển năng lượng tái tạo.

Câu 3. Đặc điểm nào sau đây đúng với cơ cấu xã hội của dân số nước ta hiện nay?

- A. Tỷ lệ biết chữ đang tăng lên. B. Dân số có xu hướng già hóa.
C. Đang có cơ cấu dân số vàng. D. Dân số nữ ít hơn dân số nam.

Câu 4. Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được biểu hiện trực tiếp qua yếu tố nào sau đây?

- A. Độ ẩm. B. Lượng mưa. C. Nhiệt độ. D. Sinh vật.

Câu 5. Lao động của nước ta hiện nay

- A. tỉ lệ lao động nông thôn tăng. B. có lực lượng lao động dồi dào.
C. phần lớn đều đã qua đào tạo. D. phân bố hợp lí giữa các vùng.

Câu 6. Nhóm hàng nhập khẩu chủ yếu của nước ta hiện nay là

- A. tư liệu sản xuất. B. hàng nông sản. C. nguyên liệu thô. D. hàng tiêu dùng.

Câu 7. Cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ của nước ta hiện nay chuyển dịch theo hướng

- A. ngày càng mở rộng không gian phát triển. B. tăng tỉ trọng ngành công nghiệp, xây dựng.
C. thu hút nhiều thành phần kinh tế tham gia. D. gia tăng lao động có kĩ thuật, trình độ cao.

Câu 8. Việc bảo vệ môi trường mang lại ý nghĩa chủ yếu nào sau đây đối với phát triển kinh tế – xã hội hiện nay ở Đông Nam Bộ?

- A. Tạo cảnh quan xanh sạch đẹp, nâng cao chất lượng sống, thúc đẩy tăng trưởng.
B. Thu hút nhiều nguồn đầu tư, mở rộng hợp tác quốc tế, nâng cao vị thế của vùng.
C. Môi trường sống xanh, hạn chế tác động tiêu cực, bảo đảm phát triển bền vững.
D. Đảm bảo nguyên liệu, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cải thiện đời sống.

Câu 9. Đồng bằng sông Cửu Long có thể mạnh nổi bật nào sau đây?

- A. Khai thác quặng sắt. B. Trồng cây lương thực. C. Phát triển thủy điện. D. Trồng cây cận nhiệt.

Câu 10. Cây hàng năm ở nước ta hiện nay

- A. diện tích nhỏ hơn cây lâu năm. B. phân bố tập trung ở vùng núi.
C. phần lớn nguồn gốc cận nhiệt. D. sản xuất theo hướng tập trung.

Câu 11. Giao thông đường biển của nước ta hiện nay

- A. tính cơ động, linh hoạt cao. B. đã có nhiều tuyến quốc tế.
C. chủ yếu vận chuyển người. D. quy mô các cảng đều nhỏ.

Câu 12. Giải pháp chủ yếu để phát triển hiệu quả các ngành kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên hiện nay là

- A. tăng cường hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, phát triển dịch vụ logistics.
B. đầu tư hạ tầng, tăng cường liên kết giữa các ngành, bảo vệ môi trường biển.
C. đẩy mạnh quảng bá, phát triển dịch vụ, thu hút các nguồn đầu tư nước ngoài.
D. nâng cao chất lượng lao động, phát triển dịch vụ quốc tế, mở rộng thị trường.

Câu 13. Cho bảng số liệu sau:

Sản lượng thủy sản phân theo ngành hoạt động của nước ta giai đoạn 2015 – 2024

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	2015	2019	2024
Khai thác	3 176,5	3 829,3	3 874,2
Nuôi trồng	3 550,7	4 592,0	5 233,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024)

Nhận xét nào sau đây đúng với bảng số liệu trên?

- A. Trong giai đoạn 2015 – 2024, tỉ lệ sản lượng thủy sản nuôi trồng của nước ta có xu hướng giảm liên tục.
- B. Năm 2024 so với năm 2015, sản lượng thủy sản khai thác tăng nhanh hơn sản lượng thủy sản nuôi trồng.
- C. Trong các năm trên, tỉ lệ sản lượng thủy sản nuôi trồng luôn lớn hơn tỉ lệ sản lượng thủy sản khai thác.
- D. Năm 2024 so với năm 2019, sản lượng thủy sản khai thác tăng nhiều hơn sản lượng thủy sản nuôi trồng.

Câu 14. Đặc điểm nào sau đây đúng với vị trí địa lí và lãnh thổ của Đồng bằng sông Hồng?

- A. Phía tây tiếp giáp với Lào.
- B. Vị trí chiến lược quan trọng.
- C. Không tiếp giáp Trung Quốc.
- D. Diện tích lớn nhất cả nước.

Câu 15. Ảnh hưởng của vị trí địa lí đến thiên nhiên nước ta là

- A. khí hậu nóng ẩm, sinh vật nhiệt đới, đất phù sa màu mỡ, sông nhiều nước.
- B. khí hậu phân mùa, mạng lưới sông ngòi dày đặc, sinh vật và đất đa dạng.
- C. khí hậu và sông ngòi phân mùa rõ rệt, sinh vật đa dạng, chủ yếu đất feralit.
- D. khí hậu nhiệt đới, sông ngòi giàu phù sa, sinh vật và đất phân hóa đa dạng.

Câu 16. Chăn nuôi trâu, bò ở nước ta hiện nay

- A. phát triển mạnh ở vùng đông dân.
- B. chưa phát triển chăn nuôi bò sữa.
- C. số lượng đàn trâu tăng rất nhanh.
- D. đã chú trọng chế biến sản phẩm.

Câu 17. Loại tài nguyên khoáng sản biển nào sau đây của nước ta hiện đang được khai thác và sử dụng trực tiếp làm nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện?

- A. Khí tự nhiên.
- B. Ti-tan.
- C. Cát trắng.
- D. Dầu mỏ.

Câu 18. Loại thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Sương muối.
- B. Rét hại.
- C. Ngập lụt.
- D. Lũ quét.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có địa hình đa dạng, đồi núi thấp chiếm ưu thế, đồng bằng tương đối rộng và bằng phẳng. Khí hậu mang tính nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh, ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống. Miền giàu tài nguyên khoáng sản, rừng và biển, đồng thời có mạng lưới sông ngòi dày đặc, thuận lợi cho phát triển kinh tế – xã hội.

- a) Do tác động của các dãy núi hình vòng cung đã làm cho miền có mùa đông lạnh nhất cả nước.
- b) Tự nhiên của miền thuận lợi để phát triển đa dạng các ngành kinh tế.
- c) Miền cần đẩy mạnh khai thác tài nguyên để tạo tiền đề cho tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm, nâng cao mức sống và phát triển bền vững.
- d) Khí hậu của miền phân mùa rõ rệt tạo điều kiện thuận lợi cho việc bố trí mùa vụ, đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp và cho năng suất cây trồng, vật nuôi cao.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Ngành bưu chính viễn thông của nước ta đang phát triển nhanh chóng, hiện đại hóa mạnh mẽ, đóng vai trò quan trọng trong quá trình chuyển đổi số quốc gia. Đây là lĩnh vực có tốc độ tăng trưởng cao, mạng lưới rộng khắp và dịch vụ ngày càng đa dạng.

- a) Giải pháp phát triển của ngành hiện nay là tập trung vào mở rộng mạng lưới số, nâng cao chất lượng dịch vụ và toàn cầu hóa thông tin.
- b) Hiện đại hóa hạ tầng viễn thông là cơ sở quan trọng giúp nước ta thu hút đầu tư nước ngoài và thúc đẩy kinh tế số.
- c) Ngành bưu chính viễn thông phát triển góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, kết nối vùng miền và hội nhập quốc tế.

d) Ngành bưu chính viễn thông ngày càng có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế – xã hội nước ta.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Đồng bằng sông Cửu Long hiện là vùng trọng điểm thủy sản lớn nhất cả nước, cung cấp phần lớn sản lượng xuất khẩu thủy sản của Việt Nam. Ngành thủy sản vừa tạo nguồn thu ngoại tệ lớn, vừa giải quyết việc làm cho hàng triệu lao động, góp phần nâng cao đời sống và phát triển kinh tế của vùng.

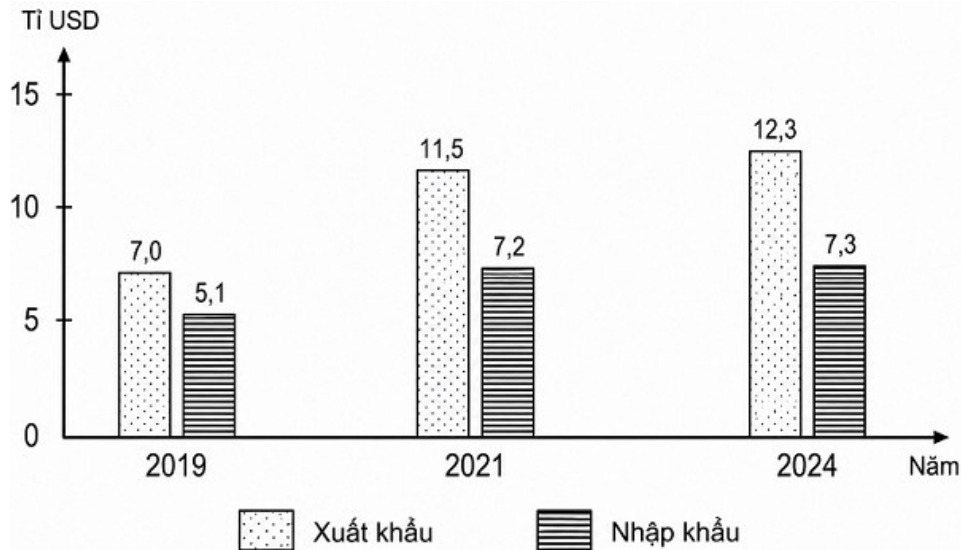
a) Xuất khẩu thủy sản của vùng chủ yếu dựa vào sản phẩm nuôi trồng.

b) Giải pháp trực tiếp để tăng sản lượng thủy sản nuôi trồng của vùng là đẩy mạnh thâm canh, ứng dụng công nghệ cao và mở rộng thị trường.

c) Tăng cường liên kết trong sản xuất thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long có ý nghĩa giảm thiểu rủi ro, nâng cao hiệu quả kinh tế, ổn định xã hội và đảm bảo phát triển bền vững.

d) Cơ sở để phát triển ngành thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long là có hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt và vùng biển rộng.

Câu 4. Cho biểu đồ sau:



Trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Bru-nây giai đoạn 2019 – 2024

(Nguồn: ASEAN 2025 Statistical Highlights 2025, <https://www.aseanstats.org>)

a) Trong giai đoạn 2019 – 2024, trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Bru-nây có xu hướng tăng.

b) Giá dầu thế giới hiện nay biến động mạnh sẽ làm cho cán cân thương mại của Bru-nây không ổn định.

c) Trong giai đoạn 2019 – 2024, trị giá nhập siêu và tỉ lệ trị giá xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của Bru-nây có xu hướng tăng.

d) Năm 2024 so với năm 2019, trị giá nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Bru-nây có tốc độ tăng nhanh hơn nhiều so với xuất khẩu.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

GDP, tỉ trọng ngành công nghiệp và xây dựng trong cơ cấu GDP của nước ta năm 2020 và năm 2024

Năm	2020	2024
GDP (theo giá hiện hành) (nghìn tỉ đồng)	8 044,4	11 510,3
Trong đó: Công nghiệp và xây dựng (%)	36,7	37,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2024 so với năm 2020, giá trị sản xuất của ngành công nghiệp và xây dựng nước ta (theo giá hiện hành) tăng bao nhiêu lần (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Lượng mưa các tháng tại trạm quan trắc Đà Nẵng năm 2020 và năm 2024

(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Năm 2020	46,2	3,7	30,3	114,0	64,2	0,4	56,0	67,4	309,3	1 754,9	486,2	143,6
Năm 2024	38,3	8,2	0,9	4,1	205,5	27,7	164,7	56,9	370,0	681,7	608,9	443,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2020, 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tại trạm quan trắc Đà Nẵng, chênh lệch tổng lượng mưa trung bình năm 2024 so với tổng lượng mưa trung bình năm 2020 là bao nhiêu mm (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 3. Năm 2024, sản lượng chè búp của nước ta là 1 154,1 nghìn tấn, trong đó sản lượng chè búp của Trung du và miền núi phía Bắc chiếm 74,2% cả nước. Hãy cho biết năm 2024, sản lượng chè búp của Trung du và miền núi phía Bắc là bao nhiêu nghìn tấn (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 4. Năm 2024, nước ta có số học sinh phổ thông là 18 564,9 nghìn người và số giáo viên phổ thông trực tiếp giảng dạy là 817,7 nghìn người. Hãy cho biết năm 2024, số học sinh phổ thông bình quân trên một giáo viên phổ thông trực tiếp giảng dạy là bao nhiêu học sinh/giáo viên (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 5. Cho bảng số liệu:

Tổng số trang trại và số trang trại trồng trọt của nước ta năm 2020 và năm 2024

(Đơn vị: trang trại)

Năm	2020	2024
Tổng số trang trại	23 662	26 111
Trong đó: Trang trại trồng trọt	6 605	8 035

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2024 so với năm 2020, tỉ lệ số lượng trang trại trồng trọt trong tổng số trang trại của nước ta tăng bao nhiêu % (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 6. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình và lượng mưa các tháng tại trạm quan trắc Nha Trang năm 2024

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ (°C)	25,3	26,0	27,2	29,3	30,2	29,8	29,0	29,6	28,8	27,9	26,9	25,3
Lượng mưa (mm)	45,5	16,8	2,9	0,0	115,3	26,9	56,7	32,9	132,2	119,8	99,5	307,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2024 tại trạm quan trắc Nha Trang có bao nhiêu tháng hạn (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

----- HẾT -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu.
- Giám thị không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN I

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Đáp án	B	B	A	C	B	A	A	C	B	D	B	B	C	B	C	D	A	C

PHẦN II

Câu	a	b	c	d
1	S	Đ	S	S
2	S	Đ	Đ	Đ
3	Đ	S	Đ	Đ
4	Đ	Đ	S	S

PHẦN III

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	1,5	466	856	23	2,9	4

LỜI GIẢI THAM KHẢO

PHẦN I

Câu 1. Chọn B.

Nước ta có phía bắc giáp Trung Quốc. Các phương án khác sai vì nước ta không có ba mặt giáp Biển Đông, không nằm ở trung tâm bán đảo Trung Ấn và phía tây giáp Lào, Cam-pu-chia chứ không giáp Thái Lan.

Câu 2. Chọn B.

Sản lượng dầu thô xuất khẩu giảm chủ yếu do nhiều mỏ dầu lớn đã khai thác lâu năm nên sản lượng suy giảm; đồng thời nhu cầu trong nước tăng, dầu thô được ưu tiên phục vụ chế biến trong nước.

Câu 3. Chọn A.

Cơ cấu xã hội của dân số thể hiện qua các mặt như trình độ học vấn, tỉ lệ biết chữ, lao động,... Hiện nay tỉ lệ biết chữ của nước ta đang tăng lên.

Câu 4. Chọn C.

Tính chất nhiệt đới của khí hậu được biểu hiện trực tiếp nhất qua yếu tố nhiệt độ: nền nhiệt cao, tổng bức xạ lớn, số giờ nắng nhiều.

Câu 5. Chọn B.

Nước ta có dân số đông nên lực lượng lao động dồi dào. Tuy nhiên lao động phân bố chưa hợp lí, tỉ lệ lao động qua đào tạo chưa phải là phần lớn và tỉ lệ lao động nông thôn có xu hướng giảm.

Câu 6. Chọn A.

Nhóm hàng nhập khẩu chủ yếu của nước ta hiện nay là tư liệu sản xuất như máy móc, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất.

Câu 7. Chọn A.

Cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ là sự phân bố và tổ chức không gian kinh tế. Hiện nay nước ta chuyển dịch theo hướng ngày càng mở rộng không gian phát triển, hình thành các vùng kinh tế trọng điểm, khu công nghiệp, hành lang kinh tế,...

Câu 8. Chọn C.

Đông Nam Bộ là vùng công nghiệp phát triển mạnh nên chịu sức ép lớn về môi trường. Bảo vệ môi trường giúp tạo môi trường sống xanh, hạn chế tác động tiêu cực và bảo đảm phát triển bền vững.

Câu 9. Chọn B.

Đồng bằng sông Cửu Long là vùng trọng điểm sản xuất lương thực lớn nhất nước ta, đặc biệt là lúa gạo.

Câu 10. Chọn D.

Cây hàng năm ở nước ta hiện nay phát triển theo hướng sản xuất tập trung, chuyên môn hóa, gắn với thị trường và công nghiệp chế biến.

Câu 11. Chọn B.

Giao thông đường biển nước ta có nhiều tuyến quốc tế do nước ta nằm gần các tuyến hàng hải quốc tế quan trọng, có vùng biển rộng và nhiều cảng biển.

Câu 12. Chọn B.

Để phát triển hiệu quả kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, cần đầu tư hạ tầng, tăng cường liên kết giữa các ngành và bảo vệ môi trường biển. Đây là giải pháp tổng hợp, bền vững.

Câu 13. Chọn C.

Qua bảng số liệu:

- Năm 2015: nuôi trồng 3 550,7 nghìn tấn > khai thác 3 176,5 nghìn tấn.
- Năm 2019: nuôi trồng 4 592,0 nghìn tấn > khai thác 3 829,3 nghìn tấn.
- Năm 2024: nuôi trồng 5 233,8 nghìn tấn > khai thác 3 874,2 nghìn tấn.

Vì vậy, trong các năm trên, tỉ lệ sản lượng thủy sản nuôi trồng luôn lớn hơn tỉ lệ sản lượng thủy sản khai thác.

Câu 14. Chọn B.

Đồng bằng sông Hồng có vị trí chiến lược quan trọng về kinh tế, chính trị, quốc phòng; có Thủ đô Hà Nội, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc.

Câu 15. Chọn C.

Vị trí địa lí làm cho thiên nhiên nước ta mang tính nhiệt đới ẩm gió mùa, khí hậu và sông ngòi phân mùa rõ rệt; sinh vật đa dạng; đất feralit là loại đất chủ yếu ở vùng đồi núi.

Câu 16. Chọn D.

Chăn nuôi trâu, bò ở nước ta hiện nay đã chú trọng hơn đến chế biến sản phẩm như sữa, thịt, các sản phẩm từ sữa. Các phương án khác không đúng vì chăn nuôi trâu bò không phát triển mạnh ở vùng đông dân, bò sữa đã phát triển, đàn trâu không tăng rất nhanh.

Câu 17. Chọn A.

Khí tự nhiên là khoáng sản biển được khai thác và sử dụng trực tiếp làm nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện khí.

Câu 18. Chọn C.

Đồng bằng sông Cửu Long thường xảy ra ngập lụt, đặc biệt vào mùa lũ. Các thiên tai như sương muối, rét hại, lũ quét chủ yếu xảy ra ở vùng núi hoặc miền Bắc.

PHẦN II**Câu 1****a) Sai.**

Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có mùa đông lạnh nhất cả nước chủ yếu do vị trí đón gió mùa Đông Bắc trực tiếp, địa hình thấp và các cánh cung mở rộng về phía bắc, đông bắc. Không thể chỉ quy nguyên nhân cho các dãy núi hình vòng cung.

b) Đúng.

Miền có địa hình đa dạng, có đồng bằng, đồi núi, biển, khoáng sản, rừng, sông ngòi nên thuận lợi phát triển nhiều ngành kinh tế như nông nghiệp, công nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, du lịch.

c) Sai.

Không nên “đẩy mạnh khai thác tài nguyên” theo hướng tăng khai thác đơn thuần. Muốn phát triển bền vững phải khai thác hợp lý, tiết kiệm, gắn với bảo vệ tài nguyên và môi trường.

d) Sai.

Khí hậu phân mùa rõ rệt có thể tạo điều kiện đa dạng hóa mùa vụ, nhưng mùa đông lạnh, rét đậm, rét hại cũng gây khó khăn cho sản xuất. Không thể khẳng định luôn làm năng suất cây trồng, vật nuôi cao.

Câu 2**a) Sai.**

Mở rộng mạng lưới số và nâng cao chất lượng dịch vụ là cần thiết, nhưng “toàn cầu hóa thông tin” không phải là giải pháp cụ thể, chủ yếu của ngành.

b) Đúng.

Hiện đại hóa hạ tầng viễn thông giúp tăng khả năng kết nối, phát triển kinh tế số, tạo điều kiện thu hút đầu tư nước ngoài.

c) Đúng.

Bưu chính viễn thông phát triển giúp nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, rút ngắn khoảng cách vùng miền, thúc đẩy hội nhập quốc tế.

d) Đúng.

Ngành bưu chính viễn thông ngày càng giữ vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế – xã hội, đặc biệt trong chuyển đổi số, thương mại điện tử, giáo dục, y tế và quản lý nhà nước.

Câu 3**a) Đúng.**

Xuất khẩu thủy sản của Đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu dựa vào các sản phẩm nuôi trồng như cá tra, tôm.

b) Sai.

Thâm canh và ứng dụng công nghệ cao giúp tăng sản lượng nuôi trồng, nhưng “mở rộng thị trường” không phải là giải pháp trực tiếp làm tăng sản lượng. Mở rộng thị trường chủ yếu giúp tăng tiêu thụ và xuất khẩu.

c) Đúng.

Liên kết sản xuất giúp giảm rủi ro về giá cả, thị trường, dịch bệnh; nâng cao hiệu quả kinh tế và góp phần phát triển bền vững.

d) Đúng.

Đồng bằng sông Cửu Long có hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, vùng biển rộng, bãi triều, rừng ngập mặn,... Đây là cơ sở tự nhiên quan trọng để phát triển thủy sản.

Câu 4

Từ biểu đồ:

Năm	Xuất khẩu	Nhập khẩu
2019	7,0	5,1
2021	11,5	7,2
2024	12,3	7,3

a) Đúng.

Từ năm 2019 đến năm 2024, cả xuất khẩu và nhập khẩu đều tăng.

b) Đúng.

Bru-nây phụ thuộc nhiều vào dầu mỏ, khí tự nhiên. Vì vậy giá dầu thế giới biến động mạnh sẽ làm cán cân thương mại của Bru-nây không ổn định.

c) Sai.

Bru-nây không nhập siêu mà xuất siêu vì trị giá xuất khẩu luôn lớn hơn nhập khẩu.

d) Sai.

Tốc độ tăng xuất khẩu:

$$12,3 : 7,0 \approx 1,76$$

lần.

Tốc độ tăng nhập khẩu:

$$7,3 : 5,1 \approx 1,43$$

lần.

Vậy nhập khẩu không tăng nhanh hơn xuất khẩu.

PHẦN III**Câu 1**

Giá trị ngành công nghiệp và xây dựng:

Năm 2020:

$$8\,044,4 \times 36,7\% = 2\,952,3$$

nghìn tỉ đồng.

Năm 2024:

$$11\,510,3 \times 37,5\% = 4\,316,4$$

nghìn tỉ đồng.

Số lần tăng:

$$4\,316,4 : 2\,952,3 \approx 1,5$$

lần.

Đáp án: 1,5.

Câu 2

Tổng lượng mưa năm 2020:

$$46,2 + 3,7 + 30,3 + 114,0 + 64,2 + 0,4 + 56,0 + 67,4 + 309,3 + 1\,754,9 + 486,2 + 143,6 = 3\,076,2$$

mm.

Tổng lượng mưa năm 2024:

$$38,3 + 8,2 + 0,9 + 4,1 + 205,5 + 27,7 + 164,7 + 56,9 + 370,0 + 681,7 + 608,9 + 443,8 = 2\,610,7$$

mm.

Chênh lệch:

$$3\,076,2 - 2\,610,7 = 465,5 \approx 466$$

mm.

Năm 2024 có tổng lượng mưa thấp hơn năm 2020 khoảng 466 mm.

Đáp án: 466.

Câu 3

Sản lượng chè búp của Trung du và miền núi phía Bắc:

$$1154,1 \times 74,2\% = 856,3$$

nghìn tấn.

Làm tròn đến hàng đơn vị:

Đáp án: 856.

Câu 4

Số học sinh bình quân trên một giáo viên:

$$18\,564,9 : 817,7 \approx 22,7$$

học sinh/giáo viên.

Làm tròn đến hàng đơn vị:

Đáp án: 23.

Câu 5

Tỉ lệ trang trại trồng trọt năm 2020:

$$\frac{6\,605}{23\,662} \times 100 \approx 27,9\%$$

Tỉ lệ trang trại trồng trọt năm 2024:

$$\frac{8\,035}{26\,111} \times 100 \approx 30,8\%$$

Mức tăng:

$$30,8 - 27,9 = 2,9\%$$

Đáp án: 2,9.

Câu 6

$$P < T$$

Xác định tháng hạn theo điều kiện lượng mưa nhỏ hơn nhiệt độ:

Đối chiếu bảng số liệu:

$$16,8 < 26,0$$

- Tháng 2: → hạn.

$$2,9 < 27,2$$

- Tháng 3: → hạn.

$$0,0 < 29,3$$

- Tháng 4: → hạn.

$$26,9 < 29,8$$

- Tháng 6: → hạn.

Có 4 tháng hạn.

Đáp án: 4.